

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2021

### 1. THÔNG TIN CHUNG (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

#### 1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ trường và địa chỉ trang thông tin điện tử

##### 1.1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẶNG VĂN NGŨ

*Tên tiếng Anh:* Dang Van Ngu Medical College.

*Tên viết tắt:* DMEC.

*Mã trường:* CDT.0141.

##### 1.1.2. Sứ mệnh:

Trường Cao đẳng y tế Đặng Văn Ngũ là nơi đào tạo và đào tạo liên tục nguồn nhân lực y tế trình độ cao đẳng có chất lượng cao; Phối hợp liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng về chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học theo hướng đa dạng hóa loại hình đào tạo.

Tạo cho người học có môi trường giáo dục hiện đại, dân chủ, văn hóa, kỷ cương và minh bạch. Tạo môi trường học thuận lợi nhằm phát huy tính sáng tạo, phát triển tài năng trong học tập và nghiên cứu. Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, đáp ứng được nhu cầu nhân lực y tế trong công tác khám, chữa bệnh.

Không ngừng phấn đấu vì sức khỏe cộng đồng thông qua những nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế và nghiên cứu khoa học, góp phần vào công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.1.3. Địa chỉ: Số 34-36 đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

1.1.4. Điện thoại: 0243.8543032.

1.1.5. Email: tchcdvn@gmail.com

1.1.6. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://ytdvn.edu.vn>.

## 1.2. Quy mô đào tạo

### Dự kiến quy mô đào tạo Cao đẳng giai đoạn 2021, 2022

TT	Tên ngành	Mã ngành	Quy mô đào tạo	
			2021	2022
1	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	6720602	230	300
2	Điều dưỡng	6720301	100	200
Cộng			330	500

## 2. THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021

### 2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương; Trung cấp ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học hoặc Cao đẳng trở lên.

**2.2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

**2.3. Phương thức tuyển sinh:** Xét học bạ Trung học phổ thông (sử dụng điểm tổng kết môn Toán, Hóa học, Sinh học để xét tuyển).

**2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 350 sinh viên/năm.

### 2.5. Các thông tin cần thiết khác

2.5.1. Mã trường: CDT.0141

2.5.2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Xét tuyển theo học bạ Trung học phổ thông	Chỉ tiêu
1	6720306	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Toán, Hóa, Sinh	350

2.5.3. Thời gian, địa điểm, hồ sơ xét tuyển, lệ phí xét tuyển

a) Thời gian nhận hồ sơ: 01/01 - 30/11/2021.

b) Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ, số 36 đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243.5531254. Hotline: 0903.060.268.

Email: [daotaocdytdvn@gmail.com](mailto:daotaocdytdvn@gmail.com)

c) Hồ sơ xét tuyển (**Xét tuyển theo học bạ Trung học phổ thông**):

Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến;

Con của người có công với cách mạng quy định hiện hành.

+ *Đối tượng 05:*

Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở khu vực 1;

Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy Trưởng ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với Quân nhân, Công an phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành dự thi hay đăng ký xét tuyển vào ĐH, CĐ là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

+ *Đối tượng 06:*

Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận hưởng chế độ ưu tiên theo quy định hiện hành;

Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

+ *Đối tượng 07:*

Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành;

TT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	HÌNH THỨC
1	Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (thí sinh truy cập website: <a href="http://ytdvn.edu.vn">http://ytdvn.edu.vn</a> vào mục Tuyển sinh để download mẫu).	01 bản	Điền theo mẫu.
2	Học bạ Trung học phổ thông.	01 bản	Phô tô có chứng thực.
3	Bằng tốt nghiệp THPT hoặc chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021.	01 bản	Phô tô có chứng thực.
4	Bằng tốt nghiệp đối với thí sinh đã tốt nghiệp Trung cấp ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học hoặc Cao đẳng trở lên.	01 bản	Phô tô có chứng thực.
5	Giấy khai sinh.	01 bản	Bản sao.
6	Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).	01 bản	Phô tô có chứng thực.

d) Lệ phí hồ sơ và lệ phí xét tuyển: Theo quy định.

#### 2.5.4. Các điều kiện sử dụng trong xét tuyển

Sử dụng điểm tổng kết các môn học Toán, Hóa học, Sinh học để xét tuyển.

Tiêu chí phụ dùng để xét tuyển nếu các thí sinh cuối cùng của chỉ tiêu tuyển sinh có điểm thi bằng nhau:

##### a) Ưu tiên 1

- Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. Thí sinh *Khoanh tròn đối tượng ưu tiên (nếu có)* trên Phiếu đăng ký xét tuyển.

+ *Đối tượng 01*: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc Trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1.

+ *Đối tượng 02*: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên cấp bằng khen.

+ *Đối tượng 03*:

Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

Quân nhân, Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại khu vực 1;

Quân nhân, Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

Người có công với cách mạng theo quy định hiện hành.

+ *Đối tượng 04*:

Con liệt sĩ;

Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

3	Học bạ Trung học phổ thông.	01 bản	Phô tô có chứng thực. (Thí sinh mang bản chính để đối chiếu).
4	Bằng tốt nghiệp đối với thí sinh đã tốt nghiệp Trung cấp ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học hoặc Cao đẳng trở lên.	01 bản	Phô tô có chứng thực. (Thí sinh mang bản chính để đối chiếu).
5	Bảng điểm tốt nghiệp đối với thí sinh đã tốt nghiệp Trung cấp ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học hoặc Cao đẳng trở lên.	01 bản	Phô tô có chứng thực. (Thí sinh mang bản chính để đối chiếu).
6	Sơ yếu lý lịch.	01 bộ	Có xác nhận của cơ quan hoặc nơi cư trú.
7	Giấy khai sinh.	01 bản	Bản sao.
8	Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.	01 bản	Phô tô có chứng thực.
9	Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).	01 bản	Phô tô có chứng thực.

#### b) Kiểm tra hồ sơ nhập học

Khi thí sinh đến nhập học, Hội đồng tuyển sinh trường tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp, đặc biệt là giấy tờ để được hưởng chế độ ưu tiên của thí sinh. Trường hợp phát hiện các sai sót, sẽ được xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh.

Trong quá trình xét tuyển và khi sinh viên đang theo học, nhà trường sẽ tổ chức thanh, kiểm tra hồ sơ và điểm xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong Phiếu đăng ký tuyển sinh của Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ.

Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

#### c) Chính sách tuyển thẳng

Thực hiện theo Điểm 2, Phụ lục 1, Thông tư 05/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### 6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

Học phí dự kiến với sinh viên chính quy theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;

Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

- Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3. Thí sinh học ở khu vực nào lâu hơn thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó trên Phiếu đăng ký tuyển sinh của Trường.

+ *Khu vực 1*: các xã/phường khó khăn theo quy định hiện hành.

+ *Khu vực 2-NT*: gồm các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

+ *Khu vực 2*: các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

+ *Khu vực 3*: các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương.

## b) Ưu tiên 2

Theo thứ tự đăng ký, thí sinh đăng ký sớm được ưu tiên trước.

### 2.5.5. Điểm trúng tuyển, thời gian công bố và thủ tục nhập học

Điểm trúng tuyển và danh sách trúng tuyển sẽ được Trường công bố theo từng đợt nhập học trong năm.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng cách nộp trực tiếp hồ sơ nhập học (theo mẫu hồ sơ học sinh, sinh viên), bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia 2021 (để đối chiếu, đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021) hoặc bản chính học bạ THPT (để đối chiếu, đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2021), hoặc bản chính bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp (để đối chiếu) đến Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ hoặc gửi qua đường bưu điện trước ngày hết hạn nhập học của từng đợt do Nhà trường công bố.

### 2.5.6. Hồ sơ nhập học và kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh

#### a) Hồ sơ nhập học

TT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	HÌNH THỨC
1	Thông báo trúng tuyển.	01 bản	Bản chính hoặc bản sao.
2	Bằng tốt nghiệp THPT hoặc chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021.	01 bản	Phô tô có chứng thực. (Thí sinh mang bản chính để đối chiếu).

### 6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

TT	DANH MỤC NHÀ, TRANG THIẾT BỊ CHÍNH	SỐ LƯỢNG
<b>I</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	
1	Nhà A (Sử dụng 5100 m <sup>2</sup> )	1
2	Nhà B	1
3	Nhà C	1
4	Nhà D	1
5	Nhà M	1
6	Nhà ở học sinh 3 tầng (nhà S)	1
7	Tường rào, sân đường	1
8	Sân vườn hạ tầng kỹ thuật	1
9	Trạm biến áp 750 KVA	1
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	
1	Tủ hút khí độc FH 1600000	1
2	Nồi hấp tiệt trùng 50L SA- 300VF	1
3	Máy đo pH để bàn A211	1
4	Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay A329	1
5	Cân điện tử	1
6	Máy đo bụi VPC300	1
7	Máy đo độ rung VB400	1
8	Máy ly tâm loại 12 ống RotorFix 32A	1
9	Máy lắc kiểu Vortex Genius 3 - S/N:08.068632	1
10	Mô hình giải phẫu bộ 3 thành phần	1
11	Mô hình giải phẫu bộ 6 thành phần	1
12	Mô hình điều dưỡng	1
13	Máy phát điện dự phòng	1
14	KHV huỳnh quang có gắn máy ảnh Nikon B80i ( 640944)	1
15	Kính hiển vi 2 người quan sát B-500Ti-2	1
16	Kính lúp soi nổi nổi máy tính HP Pavilion 500PC Series - 4J04471	1
17	Kính hiển vi 3 mắt có kết nối camera kỹ thuật số CX31 - 6C40837	1
18	Kính hiển vi Olympus 2 mắt CX23	6
19	Máy nhân gen PCR Eppendorf	1
20	Máy PCRMastercycler nexus grandient	1
21	Máy siêu âm màu 4D Hitachi Aloka medical	1
22	Máy xét nghiệm miễn dịch Roche Hitachi - Lobas E411	1
23	Nồi hấp Tommy ES315	1

TT	DANH MỤC NHÀ, TRANG THIẾT BỊ CHÍNH	SỐ LƯỢNG
24	Tủ an toàn sinh học cấp II	1
25	Tủ ẩm CO <sub>2</sub> Memmert INC108	1
26	Tủ ẩm sâu Sanyo MDF- U5412	1
27	Bộ lọc dung môi cho máy sắc ký lỏng ( Model:VFG030010 & MSVPGM-03311; Sery: 140127093 )	1
28	Bộ lưu điện cho máy sắc ký khí và sắc ký lỏng - 140611-87830267	1
29	Cân điện tử Practum 213-1S - S/N: 0032910090	1
30	Đầu dò ion hóa ngọn lửa FID-2010 Plus - S/N: C11825302960SA	1
31	Đầu máy chụp ảnh dùng cho kính hiển vi - Model:AM4023, Sery:493014	1
32	Hệ thống điện di mao quản Qiaxcel Advanced - S/N: 30540	1
33	Hệ thống lọc nước siêu sạch Direct Q5 UV - S/N:F5HA88809	1
34	Hệ thống PCR định lượng - Model:7500, S/N:275009187	1
35	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao LC-20AD - S/N: L20105336937AE	1
36	Hệ thống thiết bị điện di và lai protein	1
37	Lò phá mẫu bằng vi sóng Speedwave Entry - S/N:000023	1
38	Máy cô cất quay chân không RV10 digital - S/N:07.548411	1
39	Máy điện tim 6 cần ECG - 1250K - S/N:11714	1
40	Máy đo tốc độ máu lắng - 7589	1
41	Máy lọc 3 nhánh - S/N: XX2504735	1
42	Máy ly tâm lạnh (rotor 6ml ) - Model: Mikro 220R, Sery: 0002775-10	1
43	Máy ly tâm loại 8 ống ( Model: EBA20, Sery: 0128277-07 )	1
44	Máy ly tâm tách máu để bàn - Model: EBA20S; Sery:0000472-02	1
45	Máy quang phổ định lượng Axit Nucleic/Protein - 3830	1
46	Máy sắc ký khí - Model: GCMS-QP2010 Ultra, S/n: O20525274722	1
47	Máy sinh hóa bán tự động ( Model: BTS350, Sery:801756799)	1
48	Máy tạo oxy di động (Model: 2-6000-5-OM, Seri:14M01100104)	1
49	Máy ủ nhiệt kèm lắc rung TS-100 - S/N:151113	1
50	Máy X - Quang kỹ thuật số ( Model:RAD SPEED DR, Seri: LM526F4C007 )	1
51	Máy xét nghiệm huyết học tự động - Model:Celltac F MEK-8222K; S/N: 01619	1
52	Máy xét nghiệm huyết học tự động 19 thông số MEK-6510K	1
53	Máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động 10 thông số - S/N:257501	1
54	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động - Model:AU680, S/N:2014093457	1
55	Tủ an toàn sinh học Cấp II ( Model: AC2-4E8, Sery: 87577 )	1
56	Tủ ẩm 160 lít IN160 - S/n: D515.0164	1
57	Tủ ẩm lạnh MIR-154-PB - S/N: 15040072	1



TT	DANH MỤC NHÀ, TRANG THIẾT BỊ CHÍNH	SỐ LƯỢNG
58	Tủ âm sấy lam chuyên dụng - Model: MIR-162-PK, Sery: 14050129	1
59	Tủ lạnh sâu bảo quản mẫu (-20 độ) -14020024	1
60	Bộ chiết Soxhlet SER148/6 ( S/N: 370629 )	1
61	Hệ thống real time hiện trường Genesig Q16 ( S/N:Q16-150465)	1
62	Máy điện giải đồ 9180 ( S/N: 26223 )	1
63	Máy đo quang phổ UV-Vis UVD-3500 ( S/N: RUVD 12024 )	1
64	Máy lắc ủ nhiệt khô Thermomixer C ( S/N: 5382EP811089 )	1
65	Máy li tâm dung tích lớn Z446 ( S/N: 79160023 )	1
66	Máy ly tâm RotoFix 32A ( 32x15ml) ( S/N:0030036-04 )	1
67	Máy ly tâm RotoFix 32A 6x50ml (S/N: 0030029-04)	1
68	Máy phân tích nước tiểu Cobas u 411 ( S/N: 11545 )	1
69	Máy sinh hóa bán tự động BTS-350 (S/N: 801759345)	1
70	Máy đập mẫu Masticator basic - S/N: 1000470/336	1
71	Nồi hấp tiệt trùng SA-300VF ( S/N: 160826203-001)	1
72	Thiết bị xác định trình tự ADN tự động ( phương pháp sanger ) - Model:3500; S/N: 26199-150	1
73	Hệ thống định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ BD PHOENIX 100 - Seri: PX2641	1
74	Bể điều nhiệt tuần hoàn HE-4 - S/N:10287624, 10288617	2
75	Bể lắc ổn nhiệt SW22 - S/N:10215460	1
76	Tủ an toàn sinh học cấp 2 AC2-4E8 ( S/N: 2016-109354 )	1
77	Tủ Tủ lạnh âm sâu (-40 độ) Panasonic MDF-5412 ( S/N: MDF-5412-PB/PE )	1
78	Hệ thống nuôi cấy tế bào	1
79	Hệ thống phân tích, tinh chế protein Model AKTA	1
80	Hệ thống bàn đá granit phòng thí nghiệm	1
<b>III</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	
1	Máy in bằng tốt nghiệp PR2 Plus	1
2	Máy vi tính để bàn FPT Elead T668	12
3	Máy photo E Studio 206	1
4	Máy chiếu NEC NP-V300W	4
5	Máy tính xách tay Dell Inspiron 5548	1
6	Đầu máy chụp ảnh dùng cho kính hiển vi	1
7	Hệ thống âm thanh 02 loa	5

**6.2. Danh sách giảng viên cơ hữu (có danh sách kèm theo).**

**6.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng (có danh sách kèm theo).**

**6.4. Trình độ giảng viên (có danh sách kèm theo).**

**7. Tài chính**

7.1. Tổng nguồn thu của Trường giai đoạn 2019-2022: 20.411.000.000 đồng

- Ngân sách nhà nước: 5.360.000.000 đồng

- Học phí: 15.051.000.000 đồng

7.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh (năm 2020): 14.000.000 đồng/sv/năm.

**HIỆU TRƯỞNG** *HL*



**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ CƠ HỮU***(Kèm theo Đề án Tuyển sinh năm 2021 của Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm</b>
1	Trần Thanh Dương	1967	PGS.TS Y học	Giáo dục đại học
2	Nguyễn Quang Thiều	1968	TS Y học	Giáo dục đại học
3	Nguyễn Thị Hồng Liên	1971	TS. Y học	Giáo dục đại học
4	Trần Công Hiền	1977	TS. Sinh học	Giáo dục đại học
5	Lê Minh Giáp	1984	ThS Kỹ thuật Y	Giáo dục đại học
6	Nguyễn Thị Phúc	1988	ThS Kỹ thuật Y	Giáo dục đại học
7	Phạm Thị Oanh Oanh	1982	ThS. Sinh học	Giáo dục đại học
8	Nguyễn Danh Phương	1983	ThS. Chính trị học	Giáo dục đại học
9	Trịnh Hoàng Anh	1988	ThS. Sinh học	Giáo dục đại học
10	Lương Phương Mai	1975	ThS. Văn hóa	Giáo dục đại học
11	Dương Thị Hồng	1975	ThS. Sinh học	Giáo dục đại học
12	Vũ Thị Hiền	1979	ThS. Sinh học	Giáo dục đại học
13	Lương Thị Thu Trang	1984	ThS. Y tế công cộng	Giáo dục đại học
14	Trần Thu Phương	1984	ThS. Kỹ thuật Y	Giáo dục đại học
15	Vũ Thị Hồng Hạnh	1973	Bác sĩ	Giáo dục đại học
16	Triệu Thị Thu Hương	1978	Bác sĩ	Giáo dục đại học
17	Trần Thị Hồng Thanh	1977	Bác sĩ	Giáo dục đại học
18	Bùi Thị Trang	1984	CN SP tiếng Anh	Giáo dục đại học
19	Nguyễn Thị Kim Ngọc	1988	CN Y tế công cộng	Giáo dục đại học
20	Phùng Văn Sơn	1982	CN Kỹ thuật Y	Giáo dục đại học
21	Nguyễn Thị Châu Khanh	1973	CNCD Tin học	Giáo dục nghề nghiệp
22	Nguyễn Thị Thúy	1983	CNCD Kỹ thuật Y	Giáo dục nghề nghiệp

## DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG

(Kèm theo Đề án Tuyển sinh năm 2021 của Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học phần giảng dạy	Ghi chú
<b>I. KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN</b>					
1	Nguyễn Mạnh Hùng	1953	PGS.TS.BS/CC chính trị	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	T. ĐVN
2	Hồ Đình Trung	1958	PGS.TS Sinh học/CC chính trị	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	T. ĐVN
3	Lê Xuân Hùng	1952	PGS.TS.BS	Xác suất - Thống kê y học	T. ĐVN
4	Cao Bá Lợi	1965	PGS.TS.BS	Xác suất - Thống kê y học	T. ĐVN
5	Nguyễn Quý Anh	1973	TS Y học	Xác suất - Thống kê y học	T. ĐVN
6	Trần Hồng Hạnh	1980	ThS. Luật	Pháp luật – Tổ chức y tế	T. ĐVN
7	Đào Thị Thanh Chung	1976	ThS. Luật	Pháp luật – Tổ chức y tế	T. ĐVN
8	Nguyễn Anh Tuấn	1960	ThS. Hóa học	Hóa học phân tích	GV thỉnh giảng
9	Nguyễn Văn Thuận	1982	CN XHH	Giáo dục quốc phòng	T. ĐVN
10	Hà Trung Kiên	1980	CN. TDTT	Giáo dục thể chất	GV thỉnh giảng
11	Trần Hữu Cường	1984	ThS. Toán Tin	Tin học	T. ĐVN
12	Nguyễn Khắc Minh	1967	CN Quân sự	Giáo dục quốc phòng	GV thỉnh giảng
<b>II. KHOA Y HỌC CƠ SỞ</b>					
14	Đỗ Minh Tuấn	1976	Bác sĩ	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	T. ĐVN
15	Ngô Đức Thắng	1971	TS. Bác sĩ	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	T. ĐVN
17	Nguyễn Thanh Hải	1956	BSCKI	Điều dưỡng	GV thỉnh giảng
18	Hoàng Hiệp	1954	BSCKI	Giáo dục sức khỏe – Dân số-KHHGD-SKSS	T. ĐVN
19	Nguyễn Thị Phương	1992	CN. Điều dưỡng	Điều dưỡng/Dinh dưỡng – tiết chế và an toàn thực phẩm	T. ĐVN
20	Nguyễn Đức Giang	1976	ThS. YTCC CN. Hóa học	Hóa phân tích	T. ĐVN
21	Nguyễn Thị Dung	1991	CN. Hóa học	Hóa dược/ Hóa PT	T. ĐVN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học phần giảng dạy	Ghi chú
22	Ngô Mạnh Hùng		Dược sỹ	Dược lý	
23	Toàn Thanh Thùy		Dược sỹ	Dược lý + Dược lâm sàng	GV thỉnh giảng
24	Trần Mai Hương	1949	Dược sỹ CK1	Dược lý + Dược lâm sàng	GV thỉnh giảng
25	Bùi Quang Phúc	1971	PGS.TS.BS	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	T. ĐVN
26	Cao Bá Lợi	1965	PGS.TS.BS	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	T. ĐVN
27	Lê Xuân Hùng	1952	PGS.TS.BS	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	T. ĐVN
28	Tạ Thị Tĩnh	1955	PGS.TS.BS	Sinh lý bệnh – Miễn dịch/Dược lý + Dược lâm sàng	T. ĐVN
30	Nguyễn Mạnh Hùng	1952	PGS.TS.BS	Dược lý + Dược lâm sàng, Y đức	T. ĐVN
31	Đỗ Mạnh Hà	1979	ThS Y khoa	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	T. ĐVN
32	Nguyễn Văn Hồng	1981	TS Y khoa	Dược lý + Dược lâm sàng	T. ĐVN
33	Nguyễn Xuân Thắng	1983	ThS YTCC	SKMT – VSATTP	T. ĐVN
34	Đoàn Phương Lan Quỳnh		ThS. Hóa học	Hóa học phân tích	T. ĐVN
35	Nguyễn Anh Tuấn	1960	ThS. Hóa học	Hóa cơ bản + Hóa phân tích	T. ĐVN
36	Phạm Thị Thanh Hà	1982	ThS. Hóa học	Hóa Môi trường	T. ĐVN
37	Vương Ly Lan	1959	ThS.Hóa học	Hóa Hữu cơ	GV thỉnh giảng
38	Nguyễn T Hương Bình	1973	TS Sinh học	Sinh học và di truyền	T. ĐVN
39	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	1982	TS Sinh học	Mô Phôi/Sinh học	T. ĐVN
40	Trương Văn Hạnh	1977	TS Sinh học	Sinh học và di truyền	T. ĐVN
41	Nguyễn Thị Minh Thu	1975	TS. Dược	Dược lý	GV thỉnh giảng
42	Trương Văn Như	1950	TS. Dược	Dược lý	GV thỉnh giảng

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Chuyên môn</b>	<b>Học phần giảng dạy</b>	<b>Ghi chú</b>
43	Trần Thị Vân Anh	1977	TS.CNVL	Vật lý đại cương – lý sinh	GV thỉnh giảng
<b>III. KHOA KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM</b>					
44	Nguyễn Văn Văn	1983	CN KTY	Hóa sinh	Khoa KBCN
45	Vũ Đức Hưng	1971	ThS Sinh học	Ký sinh trùng – CT	Khoa CT
46	Vũ Thị Hiền	1978	ThS Sinh học	Vi sinh – Ký sinh trùng	T. ĐVN
47	Đặng Thị Thanh	1978	ThS Y khoa	Hóa sinh	Khoa KBCN
48	Vũ Thị Lâm Bình	1978	ThS Y khoa	Vi ký sinh	Khoa KST
49	Nguyễn Văn Dũng	1981	TS Sinh học	Ký sinh trùng – CT	Khoa CT
50	Phạm Thị Hằng	1976	TS Sinh học	Vi sinh – Ký sinh trùng	Khoa KST
51	Vũ Đức Chính	1959	TS Sinh học	Ký sinh trùng – CT	Khoa CT
52	Đình Tuấn Đức	1977	TS Y học	Vi sinh – Ký sinh trùng	Khoa KBCN
53	Đỗ Trung Dũng	1977	TS Y học	Ký sinh trùng	Khoa KST

**TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẶNG VĂN NGŨ**  
(Kèm theo Đề án Tuyển sinh năm 2021 của Trường Cao đẳng Y tế Đặng Văn Ngữ)

<b>TT</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Số lượng</b>
1	<b>Phó giáo sư</b>	<b>7</b>
	Y học	7
2	<b>Tiến sỹ</b>	<b>11</b>
	Y học	9
	Sinh học	2
3	<b>Thạc sỹ</b>	<b>13</b>
	Y học	2
	Kỹ thuật Y học	2
	Sinh học	4
	Hóa học	1
	Chính trị	1
	Luật	2
	Toán Tin	1
4	<b>Đại học</b>	<b>15</b>
	Bác sỹ	4
	Y tế công cộng	2
	Kỹ thuật Y học	3
	Sinh học	5
	Ngoại ngữ	1
5	<b>Cao đẳng</b>	<b>7</b>
	Kỹ thuật Y học	6
	Tin học	1
	<b>Cộng:</b>	<b>53</b>